

Số: 13/QĐTN – ĐHKTYTHD

Hải Dương, ngày 21 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

"V/v công nhận tốt nghiệp đại học chính quy – đợt xét tháng 6/2019"

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 12/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 1578/QĐ-BYT ngày 24/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ban hành ngày 27/12/2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ - BGDĐT ban hành ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 855/QĐ – ĐHKTYTHD ngày 29/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ;

Căn cứ nghị quyết phiên họp Hội đồng xét tốt nghiệp ngày 21/6/2019;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp đại học chính quy cho 419 sinh viên (58 sinh viên khóa 2013-2019, 353 sinh viên khóa 2015-2019, 5 sinh viên khóa 2014-2018, 1 sinh viên khóa 2013-2017, 2 sinh viên khóa 2012-2016) thuộc các ngành: Y khoa, Điều dưỡng, Kỹ thuật Xét nghiệm y học, Kỹ thuật Phục hồi Chức năng và Kỹ thuật Hình ảnh y học .

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2: Các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định hiện hành.

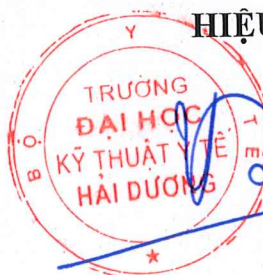
Điều 3: Các ông, bà Trường phòng Quản lý Đào tạo, phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo, phòng Tổ chức cán bộ, phòng Công tác QLSV, phòng Công nghệ thông tin, phòng Tài chính kế toán, khoa Điều dưỡng, khoa Xét nghiệm, khoa Chẩn đoán hình ảnh, khoa Phục hồi chức năng, khoa Y và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, CTQLSV, QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG



TS.Đinh Thị Diệu Hằng

SECRET
CONFIDENTIAL
CONFIDENTIAL
CONFIDENTIAL

CONFIDENTIAL

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 6/2019)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 21 tháng 6 năm 2019)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	TBC HT	Xếp loại TN
1	3111113001	Đoàn Thị Lan Anh	31/10/1995	Nữ	Hải Dương	01ĐH13YK	7.03	Khá
2	3111113002	Hoàng Thị Phương Anh	21/12/1995	Nữ	Hải Dương	01ĐH13YK	6.70	Trung bình khá
3	3111113003	Nguyễn Thị Lan Anh	04/12/1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH13YK	6.81	Trung bình khá
4	3111113004	Vũ Thị Hoàng Anh	18/11/1995	Nữ	Hải Dương	01ĐH13YK	7.42	Khá
5	3111113005	Vũ Thị Vân Anh	22/12/1993	Nữ	Hải Dương	01ĐH13YK	7.62	Khá
6	3111113008	Hoàng Văn Bình	28/09/1995	Nam	Bắc Giang	01ĐH13YK	6.78	Trung bình khá
7	3111113009	Bùi Thị Dịu	10/05/1995	Nữ	Hải Dương	01ĐH13YK	7.19	Khá
8	3111113010	Nguyễn Thái Dương	27/08/1994	Nam	Thanh Hóa	01ĐH13YK	6.68	Trung bình khá
9	3111113011	Nguyễn Đình Đức	29/06/1995	Nam	Nghệ An	01ĐH13YK	8.11	Giỏi
10	3111113012	Nguyễn Thị Hương Giang	30/10/1995	Nữ	Hưng Yên	01ĐH13YK	6.72	Trung bình khá
11	3111113013	Nguyễn Thị Hải	25/01/1995	Nữ	Hải Dương	01ĐH13YK	7.28	Khá
12	3111113014	Đỗ Thị Hằng	10/12/1995	Nữ	Lào Cai	01ĐH13YK	6.81	Trung bình khá
13	3111113015	Nguyễn Thị Hằng	01/11/1995	Nữ	Hà Nam	01ĐH13YK	7.36	Khá
14	3111113016	Nguyễn Thị Hằng	12/02/1995	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH13YK	7.44	Khá
15	3111113017	Trần Thu Hằng	13/10/1995	Nữ	Phú Thọ	01ĐH13YK	8.14	Giỏi
16	3111113018	Nguyễn Thị Hiền	03/12/1995	Nữ	Bắc Giang	01ĐH13YK	7.59	Khá
17	3111113019	Nguyễn Thị Thu Hiền	09/02/1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH13YK	7.17	Khá
18	3111113020	Trần Thị Hiền	20/12/1995	Nữ	Hưng Yên	01ĐH13YK	6.77	Trung bình khá
19	3111113021	Lê Thị Hoa	10/09/1995	Nữ	Hải Dương	01ĐH13YK	7.24	Khá
20	3111113022	Trần Thị Mai Hoa	02/07/1995	Nữ	TP Hà Nội	01ĐH13YK	7.31	Khá
21	3111113023	Nguyễn Thị Thu Hoài	27/04/1995	Nữ	Bắc Giang	01ĐH13YK	7.68	Khá
22	3111113024	Phạm Thị Hồng	19/11/1995	Nữ	Hưng Yên	01ĐH13YK	6.70	Trung bình khá
23	3111113025	Đặng Thị Hoi	30/04/1995	Nữ	Hải Phòng	01ĐH13YK	7.63	Khá
24	3111113026	Trần Thị Huệ	15/06/1995	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH13YK	7.27	Khá
25	3111113027	Nguyễn Thanh Huyền	20/11/1995	Nữ	Nam Định	01ĐH13YK	7.21	Khá
26	3111113028	Nguyễn Việt Hùng	17/04/1995	Nam	TP Hà Nội	01ĐH13YK	6.66	Trung bình khá
27	3111113029	Lê Văn Hưng	14/11/1994	Nam	Thanh Hóa	01ĐH13YK	7.01	Khá
28	3111113031	Đỗ Mỹ Linh	21/06/1995	Nữ	Hải Dương	01ĐH13YK	7.04	Khá
29	3111113033	Lê Thị Luyện	21/05/1995	Nữ	Hải Dương	01ĐH13YK	7.09	Khá
30	3111113034	Nguyễn Thị Lương	11/02/1995	Nữ	Bắc Giang	01ĐH13YK	6.81	Trung bình khá
31	3111113035	Nguyễn Ngọc Lượng	20/12/1995	Nam	TP Hà Nội	01ĐH13YK	7.07	Khá
32	3111113036	Phạm Như Mai	20/08/1995	Nữ	Hải Phòng	01ĐH13YK	7.44	Khá
33	3111113037	Nguyễn Thị Ngát	07/09/1995	Nữ	Thái Bình	01ĐH13YK	7.27	Khá
34	3111113038	Trần Thị Ngoan	17/04/1995	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH13YK	7.38	Khá

Chuan

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 6/2019)

(Ban hành kèm theo Quyết định số **43** /QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 21 tháng 6 năm 2019)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	TBC HT	Xếp loại TN
35	3111113039	Vũ Thị Ngọc	16/03/1995	Nữ	Hung Yên	01ĐH13YK	7.70	Khá
36	3111113040	Nhữ Thị Nhân	02/09/1995	Nữ	Hải Dương	01ĐH13YK	7.66	Khá
37	3111113041	Trần Thị Nhân	07/05/1995	Nữ	Thái Bình	01ĐH13YK	7.38	Khá
38	3111113042	Ngô Thị Nhung	09/03/1995	Nữ	Hung Yên	01ĐH13YK	7.64	Khá
39	3111113043	Nguyễn Thị Kiều Như	14/11/1995	Nữ	Thái Bình	01ĐH13YK	7.49	Khá
40	3111113044	Đỗ Hải Ninh	15/12/1995	Nam	Hải Dương	01ĐH13YK	6.55	Trung bình khá
41	3111113045	Nguyễn Thị Tô Uyên	04/07/1994	Nữ	Hải Dương	01ĐH13YK	6.90	Trung bình khá
42	3111113047	Phạm Xuân Phúc	28/02/1990	Nam	Hung Yên	01ĐH13YK	7.23	Khá
43	3111113048	Phạm Hoàng Quyên	17/10/1995	Nữ	Hải Dương	01ĐH13YK	7.36	Khá
44	3111113050	Lê Thị Quỳnh	06/10/1995	Nữ	Thanh Hóa	01ĐH13YK	7.35	Khá
45	3111113051	Trần Thị Như Quỳnh	18/05/1995	Nữ	Hải Dương	01ĐH13YK	7.26	Khá
46	3111113052	Nguyễn Thị Sinh	06/11/1994	Nữ	Bắc Giang	01ĐH13YK	7.27	Khá
47	3111113053	Trần Minh Tân	13/08/1995	Nam	Hải Dương	01ĐH13YK	7.84	Khá
48	3111113054	Lê Thị Thảo	16/04/1995	Nữ	Hung Yên	01ĐH13YK	7.13	Khá
49	3111113055	Bùi Thị Thu	18/09/1995	Nữ	Hải Phòng	01ĐH13YK	7.64	Khá
50	3111113057	Hoàng Thị Thuý	21/04/1995	Nữ	Bắc Giang	01ĐH13YK	7.22	Khá
51	3111113058	Trần Thị Thương	20/11/1995	Nữ	Hung Yên	01ĐH13YK	7.36	Khá
52	3111113059	Đặng Thị Tuyết	05/08/1995	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH13YK	7.26	Khá
53	3111113060	Nguyễn Thị Tuyết	15/05/1995	Nữ	Hải Dương	01ĐH13YK	7.12	Khá
54	3111113061	Trần Ánh Tuyết	01/01/1995	Nữ	Bắc Giang	01ĐH13YK	7.53	Khá
55	3111113062	Nguyễn Xuân Tùng	19/02/1995	Nam	Hải Dương	01ĐH13YK	6.53	Trung bình khá
56	3111113063	Vũ Thị Trang	10/07/1995	Nữ	Hải Dương	01ĐH13YK	7.09	Khá
57	3111113064	Phạm Anh Văn	21/09/1995	Nam	Hải Dương	01ĐH13YK	7.31	Khá
58	3111113066	Nguyễn Thị Yến	18/08/1995	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH13YK	7.26	Khá
59	3110215002	Nguyễn Thị Vân Anh	01/01/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15ĐD	7.42	Khá
60	3110215003	Lê Thị Bích	10/08/1997	Nữ	Yên Bái	01ĐH15ĐD	7.25	Khá
61	3110215004	Nguyễn Thị Thanh Bình	10/03/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15ĐD	7.50	Khá
62	3110215007	Nguyễn Thị Đăng	16/02/1997	Nữ	Phú Thọ	01ĐH15ĐD	6.98	Trung bình khá
63	3110215008	Phạm Văn Định	18/07/1997	Nam	Hải Dương	01ĐH15ĐD	6.97	Trung bình khá
64	3110215010	Trần Thị Hậu	25/04/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15ĐD	7.30	Khá
65	3110215011	Nguyễn Thị Hiệp	10/09/1997	Nữ	Bắc Giang	01ĐH15ĐD	7.39	Khá
66	3110215012	Đặng Thị Hoa	06/07/1997	Nữ	Hung Yên	01ĐH15ĐD	7.49	Khá
67	3110215013	Trần Thị Hoa	02/12/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15ĐD	7.11	Khá
68	3110215014	Vương Thị Hoa	11/09/1995	Nữ	Hải Dương	01ĐH15ĐD	7.44	Khá



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 6/2019)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 21 tháng 6 năm 2019)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	TBC HT	Xếp loại TN
69	3110215015	Dương Thị Huê	14/05/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15ĐD	7.01	Khá
70	3110215017	Vũ Thị Huế	06/06/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15ĐD	7.31	Khá
71	3110215019	Phạm Thị Huyền	24/08/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15ĐD	7.08	Khá
72	3110215020	Trương Đình Hưng	19/09/1996	Nam	Hải Dương	01ĐH15ĐD	6.96	Trung bình khá
73	3110215021	Tạ Thị Hường	17/03/1996	Nữ	Hải Dương	01ĐH15ĐD	7.22	Khá
74	3110215024	Nông Thị Ngọc Lan	14/07/1997	Nữ	Lạng Sơn	01ĐH15ĐD	7.32	Khá
75	3110215025	Nguyễn Thị Lê	24/02/1996	Nữ	Hải Dương	01ĐH15ĐD	7.57	Khá
76	3110215026	Trần Thị Ngọc Linh	11/05/1997	Nữ	Hà Nội	01ĐH15ĐD	7.38	Khá
77	3110215027	Phạm Tiến Luận	16/03/1997	Nữ	Hà Nội	01ĐH15ĐD	7.37	Khá
78	3110215028	Nguyễn Văn Lương	12/03/1997	Nam	Hải Dương	01ĐH15ĐD	6.62	Trung bình khá
79	3110215029	Lê Thị May	16/02/1997	Nữ	Hưng Yên	01ĐH15ĐD	7.48	Khá
80	3110215030	Đinh Thị Minh	15/05/1997	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH15ĐD	7.19	Khá
81	3110215033	Mai Thị Thanh Nga	19/05/1997	Nữ	Hải Phòng	01ĐH15ĐD	7.56	Khá
82	3110215035	Bùi Thị Cẩm Ngọc	08/11/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15ĐD	7.25	Khá
83	3110215036	Phạm Thị Minh Nguyệt	15/12/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15ĐD	7.49	Khá
84	3110215037	Nguyễn Thị Hoa Nhài	18/07/1997	Nữ	Phú Thọ	01ĐH15ĐD	7.52	Khá
85	3110215038	Phan Thị Nhài	01/02/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15ĐD	7.33	Khá
86	3110215039	Đặng Mai Nhung	19/03/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15ĐD	7.63	Khá
87	3110215040	Đỗ Thị Nhung	09/09/1996	Nữ	Hải Dương	01ĐH15ĐD	7.59	Khá
88	3110215043	Nguyễn Hồng Nhung	10/06/1996	Nữ	Hòa Bình	01ĐH15ĐD	7.24	Khá
89	3110215044	Nguyễn Thị Oanh	26/07/1997	Nữ	Bắc Giang	01ĐH15ĐD	7.26	Khá
90	3110215045	Phạm Thị Phong	30/03/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15ĐD	7.72	Khá
91	3110215047	Phạm Lan Phương	15/11/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15ĐD	7.58	Khá
92	3110215048	Vũ Hà Phương	04/09/1997	Nữ	Hà Nội	01ĐH15ĐD	7.72	Khá
93	3110215049	Phạm Thị Phượng	24/08/1997	Nữ	Thái Bình	01ĐH15ĐD	7.29	Khá
94	3110215053	Đồng Thị Phương Thảo	06/11/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15ĐD	6.91	Trung bình khá
95	3110215054	Nguyễn Thị Thanh Thảo	01/11/1997	Nữ	Hải Phòng	01ĐH15ĐD	6.85	Trung bình khá
96	3110215056	Nguyễn Thị Thoa	14/11/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15ĐD	7.08	Khá
97	3110215059	Nguyễn Thị Thu Thủy	29/11/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15ĐD	7.21	Khá
98	3110215060	Nguyễn Thị Thu Thủy	22/07/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15ĐD	6.89	Trung bình khá
99	3110215064	Nguyễn Thị Tươi	19/08/1997	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH15ĐD	7.33	Khá
100	3110215066	Dương Thị Xuân	04/07/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15ĐD	7.85	Khá
101	3110215067	Nguyễn Thị Bích Vân	06/08/1997	Nữ	Bắc Giang	01ĐH15ĐD	8.35	Giỏi
102	2110215060	Nguyễn Thị Thu Phương	14/01/1997	Nữ	Hải Dương	02ĐH15ĐD	7.23	Khá

Được

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 6/2019)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 43 /QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 21 tháng 6 năm 2019)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	TBC HT	Xếp loại TN
103	2110615016	Tạ Minh Loan	24/07/1997	Nữ	Bắc Giang	02ĐH15ĐD	7.11	Khá
104	3110215083	Nguyễn Thu Phương Anh	18/01/1997	Nữ	Hải Dương	02ĐH15ĐD	7.25	Khá
105	3110215085	Trần Nam Chiến	29/04/1997	Nam	Hải Dương	02ĐH15ĐD	7.09	Khá
106	3110215087	Trần Thị Dung	03/12/1997	Nữ	Hà Nội	02ĐH15ĐD	7.60	Khá
107	3110215088	Nguyễn Kỳ Duyên	03/10/1997	Nữ	Hải Dương	02ĐH15ĐD	7.60	Khá
108	3110215090	Nguyễn Thị Thùy Dương	29/09/1997	Nữ	Hải Dương	02ĐH15ĐD	7.32	Khá
109	3110215094	Hoàng Thị Hà	11/03/1997	Nữ	Hải Dương	02ĐH15ĐD	7.26	Khá
110	3110215098	Nguyễn Thị Hạnh	11/11/1997	Nữ	Bắc Ninh	02ĐH15ĐD	7.83	Khá
111	3110215100	Trần Thị Thu Hiền	17/04/1997	Nữ	Bắc Ninh	02ĐH15ĐD	7.16	Khá
112	3110215102	Nguyễn Thị Học	18/12/1996	Nữ	Bắc Ninh	02ĐH15ĐD	7.06	Khá
113	3110215103	Lê Thị Minh Huế	10/03/1996	Nữ	Hải Dương	02ĐH15ĐD	7.12	Khá
114	3110215105	Nguyễn Thị Huệ	19/10/1995	Nữ	Bắc Ninh	02ĐH15ĐD	7.27	Khá
115	3110215106	Phạm Thị Thu Huyền	31/03/1997	Nữ	Hải Phòng	02ĐH15ĐD	7.58	Khá
116	3110215107	Đào Thị Thu Hương	06/07/1997	Nữ	Hà Nam	02ĐH15ĐD	6.95	Trung bình khá
117	3110215108	Nguyễn Thu Hương	25/09/1996	Nữ	Hải Dương	02ĐH15ĐD	7.62	Khá
118	3110215109	Nguyễn Thị Lan	15/09/1997	Nữ	Bắc Ninh	02ĐH15ĐD	7.14	Khá
119	3110215111	Trần Thị Lệ	22/01/1997	Nữ	Hải Dương	02ĐH15ĐD	7.23	Khá
120	3110215112	Mai Thị Tuyết Linh	06/07/1997	Nữ	Hải Dương	02ĐH15ĐD	7.32	Khá
121	3110215113	Nguyễn Mai Linh	19/10/1997	Nữ	Bắc Giang	02ĐH15ĐD	7.50	Khá
122	3110215119	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	26/07/1997	Nữ	Hưng Yên	02ĐH15ĐD	7.12	Khá
123	3110215120	Lê Thị Nhân	22/02/1997	Nữ	Hải Dương	02ĐH15ĐD	7.26	Khá
124	3110215121	Đào Thị Nhung	11/12/1997	Nữ	Hưng Yên	02ĐH15ĐD	7.22	Khá
125	3110215122	Đỗ Thị Hồng Nhung	02/10/1997	Nữ	Thanh Hóa	02ĐH15ĐD	7.04	Khá
126	3110215126	Nguyễn Thị Phương	14/05/1996	Nữ	Bắc Ninh	02ĐH15ĐD	7.37	Khá
127	3110215127	Ninh Thị Phương	08/07/1996	Nữ	Quảng Ninh	02ĐH15ĐD	7.11	Khá
128	3110215128	Phạm Thị Lan Phương	23/07/1997	Nữ	Hải Dương	02ĐH15ĐD	6.96	Trung bình khá
129	3110215129	Đỗ Thị Bích Phượng	18/01/1997	Nữ	Hải Phòng	02ĐH15ĐD	7.45	Khá
130	3110215130	Đoàn Thị Ngọc Quyên	11/03/1997	Nữ	Hải Phòng	02ĐH15ĐD	7.18	Khá
131	3110215132	Phạm Thị Thanh	30/01/1996	Nữ	Hải Dương	02ĐH15ĐD	7.50	Khá
132	3110215133	Mạc Thị Thảo	08/05/1997	Nữ	Hải Dương	02ĐH15ĐD	7.23	Khá
133	3110215134	Nguyễn Thị Thảo	02/01/1997	Nữ	Bắc Giang	02ĐH15ĐD	7.24	Khá
134	3110215136	Nguyễn Thị Thảo	08/05/1997	Nữ	Thái Bình	02ĐH15ĐD	7.25	Khá
135	3110215138	Phạm Hùng Thắng	14/11/1991	Nam	Hải Dương	02ĐH15ĐD	7.56	Khá
136	3110215141	Trần Thị Tuyền	06/10/1997	Nữ	Bắc Giang	02ĐH15ĐD	7.72	Khá

Chữ ký

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 6/2019)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 21 tháng 6 năm 2019)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	TBC HT	Xếp loại TN
137	3110215146	Đặng Thị Vân	29/05/1996	Nữ	Hải Dương	02ĐH15ĐD	7.02	Khá
138	3110215149	Vũ Thị Yên	23/01/1997	Nữ	Hải Dương	02ĐH15ĐD	7.75	Khá
139	2110615006	Phí Thị Thục Dung	19/08/1997	Nữ	Hà Nội	01ĐH15GMHS	7.11	Khá
140	3110615003	Vũ Thị Thùy Dung	11/02/1996	Nữ	Nam Định	01ĐH15GMHS	7.18	Khá
141	3110615004	Mai Thị Duyên	17/11/1997	Nữ	Yên Bái	01ĐH15GMHS	7.07	Khá
142	3110615005	Nguyễn Thị Giang	30/05/1997	Nữ	Hà Nội	01ĐH15GMHS	7.46	Khá
143	3110615007	Phạm Thị Hòa	11/11/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15GMHS	7.29	Khá
144	3110615008	Phạm Thị Hồng	21/02/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15GMHS	6.93	Trung bình khá
145	3110615009	Vương Ánh Hồng	27/11/1997	Nữ	Quảng Ninh	01ĐH15GMHS	7.20	Khá
146	3110615010	Nguyễn Thị Huế	30/04/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15GMHS	7.10	Khá
147	3110615011	Bùi Thị Thanh Huyền	04/11/1997	Nữ	Hà Nam	01ĐH15GMHS	7.03	Khá
148	3110615012	Đỗ Thị Huyền	20/09/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15GMHS	7.59	Khá
149	3110615013	Nguyễn Ngọc Huyền	11/08/1997	Nữ	Hưng Yên	01ĐH15GMHS	7.53	Khá
150	3110615014	Nguyễn Thị Lan	08/08/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15GMHS	6.96	Trung bình khá
151	3110615015	Vũ Đức Linh	18/07/1997	Nam	Hải Dương	01ĐH15GMHS	7.46	Khá
152	3110615017	Phạm Thị Thúy Nga	16/02/1997	Nữ	Phú Thọ	01ĐH15GMHS	7.53	Khá
153	3110615018	Hà Thị Ngát	18/12/1997	Nữ	Thái Bình	01ĐH15GMHS	7.44	Khá
154	3110615019	Trần Thị Bích Ngọc	21/12/1997	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH15GMHS	7.10	Khá
155	3110615020	Nguyễn Thị Nhân	17/08/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15GMHS	7.02	Khá
156	3110615021	Nghiêm Thị Nụ	22/05/1997	Nữ	Hà Nội	01ĐH15GMHS	7.17	Khá
157	3110615022	Nguyễn Thị Oanh	28/04/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15GMHS	7.45	Khá
158	3110615023	Nguyễn Thị Thu Oanh	04/12/1997	Nữ	Hà Nội	01ĐH15GMHS	8.09	Giỏi
159	3110615027	Nguyễn Thị Thanh Tâm	03/08/1997	Nữ	Vĩnh Phúc	01ĐH15GMHS	7.30	Khá
160	3110615028	Thân Văn Tân	31/08/1995	Nam	Hải Dương	01ĐH15GMHS	7.04	Khá
161	3110615029	Trần Thị Thanh	22/10/1997	Nữ	Thái Bình	01ĐH15GMHS	7.28	Khá
162	3110615030	Nguyễn Thị Phương Thảo	03/07/1997	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH15GMHS	6.79	Trung bình khá
163	3110615031	Trần Thị Thùy	17/06/1997	Nữ	Hà Nội	01ĐH15GMHS	7.66	Khá
164	3110615032	Nguyễn Thu Trang	30/12/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15GMHS	7.17	Khá
165	3110615033	Tô Thị Tuyết Trinh	27/10/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15GMHS	7.46	Khá
166	3110615034	Nguyễn Thị Vân	27/05/1996	Nữ	Bắc Giang	01ĐH15GMHS	7.08	Khá
167	3110615036	Lê Thị Minh Vượng	25/06/1997	Nữ	Hà Nội	01ĐH15GMHS	7.02	Khá
168	3110315001	Nguyễn Mai Anh	26/07/1997	Nữ	Phú Thọ	01ĐH15HS	7.32	Khá
169	3110315002	Trần Thị Vân Anh	04/07/1996	Nữ	Hải Dương	01ĐH15HS	6.73	Trung bình khá
170	3110315003	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	06/11/1997	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH15HS	7.02	Khá

Qua-12

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 6/2019)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 13 /QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 21 tháng 6 năm 2019)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	TBC HT	Xếp loại TN
171	3110315004	Vũ Thị Duyên	07/07/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15HS	7.46	Khá
172	3110315005	Hà Thị Giang	10/04/1996	Nữ	Thái Nguyên	01ĐH15HS	7.14	Khá
173	3110315006	Nguyễn Thị Hương Giang	29/06/1996	Nữ	Hải Dương	01ĐH15HS	7.05	Khá
174	3110315007	Hoàng Thị Thu Hà	16/04/1997	Nữ	Hưng Yên	01ĐH15HS	7.52	Khá
175	3110315008	Lê Thị Thu Hà	18/07/1997	Nữ	Tuyên Quang	01ĐH15HS	6.83	Trung bình khá
176	3110315010	Trần Ngọc Hà	26/12/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15HS	6.96	Trung bình khá
177	3110315011	Nguyễn Phương Hạnh	12/12/1997	Nữ	Vĩnh Phúc	01ĐH15HS	7.64	Khá
178	3110315012	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	07/09/1997	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH15HS	6.97	Trung bình khá
179	3110315013	Đỗ Thúy Hằng	10/04/1997	Nữ	Nam Định	01ĐH15HS	7.89	Khá
180	3110315014	Kiều Thị Vân Hằng	02/07/1995	Nữ	Phú Thọ	01ĐH15HS	7.00	Khá
181	3110315015	Đỗ Thị Hiền	13/01/1997	Nữ	Hải Phòng	01ĐH15HS	7.63	Khá
182	3110315017	Nguyễn Thị Hương	27/01/1997	Nữ	Vĩnh Phúc	01ĐH15HS	7.36	Khá
183	3110315018	Phạm Thị Hương	08/11/1997	Nữ	Hưng Yên	01ĐH15HS	7.59	Khá
184	3110315019	Nguyễn Thị Lam	19/11/1997	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH15HS	6.65	Trung bình khá
185	3110315020	Nguyễn Hương Lan	10/04/1997	Nữ	Phú Thọ	01ĐH15HS	6.98	Trung bình khá
186	3110315021	Ngô Thị Thúy Liễu	15/03/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15HS	7.00	Khá
187	3110315022	Bùi Thị Linh	29/10/1997	Nữ	Hưng Yên	01ĐH15HS	7.59	Khá
188	3110315023	Nguyễn Thị Lơ	12/05/1997	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH15HS	7.18	Khá
189	3110315024	Hoàng Thị Mai	28/04/1997	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH15HS	6.94	Trung bình khá
190	3110315025	Đặng Thị Nga	04/11/1997	Nữ	Hưng Yên	01ĐH15HS	7.28	Khá
191	3110315027	Trịnh Hồng Ngọc	29/10/1997	Nữ	Yên Bái	01ĐH15HS	7.36	Khá
192	3110315028	Nguyễn Thị Minh Phương	06/09/1997	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH15HS	7.04	Khá
193	3110315029	Nguyễn Thị Tâm	06/03/1997	Nữ	Hưng Yên	01ĐH15HS	7.28	Khá
194	3110315030	Hoàng Thị Thảo	15/02/1997	Nữ	Quảng Ninh	01ĐH15HS	7.46	Khá
195	3110315031	Nguyễn Thị Thiết	24/12/1997	Nữ	Hưng Yên	01ĐH15HS	7.61	Khá
196	3110315032	Vũ Thị Thu	31/01/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15HS	7.04	Khá
197	3110315033	Nguyễn Thị Thúy	31/10/1997	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH15HS	7.82	Khá
198	3110315034	Vũ Thị Thúy	12/01/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15HS	7.75	Khá
199	3110315035	Nguyễn Thị Thương	09/03/1997	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH15HS	6.92	Trung bình khá
200	3110315036	Lý Thị Thùy	03/04/1996	Nữ	Hà Nội	01ĐH15HS	7.01	Khá
201	3110315037	Lê Thị Ngọc Trang	19/10/1997	Nữ	Hưng Yên	01ĐH15HS	7.28	Khá
202	3110315038	Lại Thị Phương Trà	18/03/1997	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH15HS	7.31	Khá
203	3110315039	Nguyễn Thị Hải Yến	01/04/1995	Nữ	Hải Dương	01ĐH15HS	6.94	Trung bình khá
204	3110315040	Nguyễn Thị Hải Yến	04/02/1997	Nữ	Hòa Bình	01ĐH15HS	6.98	Trung bình khá

Quang

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 6/2019)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 21 tháng 6 năm 2019)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	TBC HT	Xếp loại TN
205	3110315041	Nguyễn Thị Hải Yến	28/10/1997	Nữ	Bắc Giang	01ĐH15HS	7.35	Khá
206	2110714048	Nguyễn Anh Tấn	20/04/1994	Nam	Bắc Ninh	01ĐH15KTTHA	7.11	Khá
207	3110715001	Hoàng Hữu An	09/07/1996	Nam	Hải Phòng	01ĐH15KTTHA	6.86	Trung bình khá
208	3110715002	Đình Danh Anh	02/03/1997	Nam	Thái Bình	01ĐH15KTTHA	7.30	Khá
209	3110715003	Lê Quốc Anh	13/10/1997	Nam	Thanh Hóa	01ĐH15KTTHA	7.04	Khá
210	3110715004	Lương Quốc Anh	28/03/1996	Nam	Thanh Hóa	01ĐH15KTTHA	7.21	Khá
211	3110715006	Nguyễn Quang Anh	26/03/1997	Nam	Hà Nội	01ĐH15KTTHA	7.54	Khá
212	3110715007	Trần Hùng Anh	10/02/1997	Nam	Tỉnh Hà Nam	01ĐH15KTTHA	7.34	Khá
213	3110715008	Nguyễn Văn Bảo	29/04/1997	Nam	Hà Tĩnh	01ĐH15KTTHA	7.56	Khá
214	3110715010	Bùi Xuân Diện	25/01/1997	Nam	Hưng Yên	01ĐH15KTTHA	7.31	Khá
215	3110715011	Quách Trọng Duy	12/10/1997	Nam	Hòa Bình	01ĐH15KTTHA	7.29	Khá
216	3110715012	Giang Văn Dũng	29/11/1997	Nam	Phú Thọ	01ĐH15KTTHA	7.01	Khá
217	3110715014	Tổng Đức Dương	25/09/1997	Nam	Bắc Ninh	01ĐH15KTTHA	7.24	Khá
218	3110715016	Vũ Văn Điệp	14/06/1997	Nam	Vĩnh Phúc	01ĐH15KTTHA	7.07	Khá
219	3110715017	Trần Việt Đức	03/02/1997	Nam	Ninh Bình	01ĐH15KTTHA	7.19	Khá
220	3110715018	Nguyễn Tiến Hiếu	02/11/1996	Nam	Thanh Hóa	01ĐH15KTTHA	7.60	Khá
221	3110715019	Phạm Minh Hiếu	26/12/1997	Nam	Nghệ An	01ĐH15KTTHA	7.06	Khá
222	3110715020	Trần Văn Hiếu	20/04/1997	Nam	Bắc Ninh	01ĐH15KTTHA	7.29	Khá
223	3110715021	Đỗ Mạnh Hiền	18/03/1997	Nam	Bắc Giang	01ĐH15KTTHA	7.01	Khá
224	3110715022	Phạm Đức Hoan	20/04/1997	Nam	Hà Nam	01ĐH15KTTHA	7.59	Khá
225	3110715023	Phan Huy Hoàng	02/01/1997	Nam	Bắc Giang	01ĐH15KTTHA	7.13	Khá
226	3110715025	Vũ Đăng Huy	03/10/1997	Nam	Lạng Sơn	01ĐH15KTTHA	7.46	Khá
227	3110715026	Trần Công Hùng	01/03/1996	Nam	Thanh Hóa	01ĐH15KTTHA	7.62	Khá
228	3110715028	Nguyễn Trọng Khánh	01/07/1997	Nam	Bắc Giang	01ĐH15KTTHA	7.31	Khá
229	3110715029	Bùi Nguyên Khoa	20/04/1997	Nam	Nam Định	01ĐH15KTTHA	7.03	Khá
230	3110715030	Bùi Tuấn Kiệt	29/06/1997	Nam	Thái Bình	01ĐH15KTTHA	7.05	Khá
231	3110715031	Nghiêm Xuân Kiên	25/05/1996	Nam	Cao Bằng	01ĐH15KTTHA	7.90	Khá
232	3110715033	Đình Bá Long	24/02/1997	Nam	Bắc Ninh	01ĐH15KTTHA	7.40	Khá
233	3110715034	Nguyễn Kim Long	18/09/1997	Nam	Quảng Ninh	01ĐH15KTTHA	7.68	Khá
234	3110715035	Lê Văn Lộc	05/11/1996	Nam	Hải Dương	01ĐH15KTTHA	7.10	Khá
235	3110715040	Nguyễn Hải Nam	19/08/1997	Nam	Hà Nội	01ĐH15KTTHA	7.10	Khá
236	3110715041	Phạm Ngọc Nam	24/05/1997	Nam	Thanh Hóa	01ĐH15KTTHA	7.30	Khá
237	3110715042	Doãn Trọng Nghĩa	18/02/1997	Nam	Phú Thọ	01ĐH15KTTHA	7.29	Khá
238	3110715043	Bùi Hữu Cao Nguyên	13/03/1997	Nam	Phú Thọ	01ĐH15KTTHA	7.57	Khá

Đuoc

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 6/2019)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 13 /QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 21 tháng 6 năm 2019)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	TBC HT	Xếp loại TN
239	3110715044	Lê Gia Nguyên	16/03/1994	Nam	Thái Bình	01ĐH15KTTHA	8.32	Giỏi
240	3110715045	Lê Văn Oai	04/06/1997	Nam	Thanh Hóa	01ĐH15KTTHA	7.33	Khá
241	3110715046	Nguyễn Minh Phúc	11/06/1996	Nam	Yên Bái	01ĐH15KTTHA	7.08	Khá
242	3110715048	Đỗ Anh Quân	06/09/1997	Nam	Hà Nội	01ĐH15KTTHA	7.42	Khá
243	3110715049	Đỗ Hải Sơn	28/12/1997	Nam	Hà Nội	01ĐH15KTTHA	7.31	Khá
244	3110715050	Nguyễn Bá Sơn	05/12/1997	Nam	Thanh Hóa	01ĐH15KTTHA	7.52	Khá
245	3110715051	Nguyễn Khắc Sơn	26/02/1997	Nam	Hung Yên	01ĐH15KTTHA	7.13	Khá
246	3110715052	Nguyễn Viết Sơn	30/08/1995	Nam	Nghệ An	01ĐH15KTTHA	7.39	Khá
247	3110715053	Trần Hồng Sơn	07/08/1997	Nam	Hải Dương	01ĐH15KTTHA	8.17	Giỏi
248	3110715055	Phạm Minh Thảo	13/12/1991	Nam	Quảng Ninh	01ĐH15KTTHA	7.88	Khá
249	3110715056	Phạm Huy Thắng	12/02/1997	Nam	Hải Dương	01ĐH15KTTHA	7.90	Khá
250	3110715057	Phùng Mạnh Thắng	03/02/1997	Nam	Thái Bình	01ĐH15KTTHA	6.93	Trung bình khá
251	3110715058	Tạ Quang Thắng	10/01/1997	Nam	Hà Nội	01ĐH15KTTHA	7.45	Khá
252	3110715059	Nguyễn Văn Thế	25/03/1997	Nam	Thanh Hóa	01ĐH15KTTHA	7.45	Khá
253	3110715060	Nguyễn Văn Thiêm	15/11/1997	Nam	Thái Bình	01ĐH15KTTHA	7.18	Khá
254	3110715061	Nguyễn Đăng Thịnh	25/03/1995	Nam	Bắc Giang	01ĐH15KTTHA	7.09	Khá
255	3110715063	Bùi Quang Tiến	25/02/1996	Nam	Phú Thọ	01ĐH15KTTHA	8.07	Giỏi
256	3110715065	Lý Văn Toán	21/03/1996	Nam	Lạng Sơn	01ĐH15KTTHA	7.12	Khá
257	3110715066	Nguyễn Lương Tuấn	04/07/1997	Nam	Hải Dương	01ĐH15KTTHA	7.39	Khá
258	3110715067	Nguyễn Văn Tuấn	06/05/1997	Nam	Bắc Ninh	01ĐH15KTTHA	8.01	Giỏi
259	3110715069	Tạ Quang Tuấn	18/06/1997	Nam	Quảng Ninh	01ĐH15KTTHA	7.31	Khá
260	3110715070	Nguyễn Minh Tuyền	20/03/1996	Nam	Thái Bình	01ĐH15KTTHA	7.26	Khá
261	3110715071	Vương Mạnh Tường	16/03/1997	Nam	Điện Biên	01ĐH15KTTHA	7.07	Khá
262	3110715072	Gia Văn Xó	13/04/1996	Nam	Thanh Hóa	01ĐH15KTTHA	7.22	Khá
263	2110215012	Phạm Thị Hạnh Chiêm	26/01/1997	Nữ	Bắc Giang	01ĐH15PHCN	7.51	Khá
264	3110814026	Hoàng Phương Mai	21/11/1995	Nữ	Lạng Sơn	01ĐH15PHCN	6.75	Trung bình khá
265	3110815001	Vi Vũ Hoài An	25/05/1997	Nữ	Phú Thọ	01ĐH15PHCN	7.00	Khá
266	3110815002	Nguyễn Văn Anh	04/12/1997	Nữ	Yên Bái	01ĐH15PHCN	6.90	Trung bình khá
267	3110815003	Cao Xuân Bách	19/04/1997	Nam	Hải Dương	01ĐH15PHCN	6.82	Trung bình khá
268	3110815004	Bùi Thị Ngọc Bích	09/04/1997	Nữ	Thái Bình	01ĐH15PHCN	8.00	Giỏi
269	3110815005	Nguyễn Thị Bích	01/11/1997	Nữ	Phú Thọ	01ĐH15PHCN	7.13	Khá
270	3110815006	Đỗ Ngọc Chi	09/04/1997	Nữ	Thái Bình	01ĐH15PHCN	7.92	Khá
271	3110815007	Nguyễn Thị Dung	14/10/1996	Nữ	Hung Yên	01ĐH15PHCN	7.37	Khá
272	3110815008	Đặng Minh Đức	25/11/1997	Nam	Thái Nguyên	01ĐH15PHCN	6.95	Trung bình khá



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 6/2019)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 21 tháng 6 năm 2019)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	TBC HT	Xếp loại TN
273	3110815009	Nguyễn Văn Hải	26/06/1997	Nam	Hung Yên	01ĐH15PHCN	6.84	Trung bình khá
274	3110815010	Đoàn Thị Hằng	20/12/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15PHCN	7.37	Khá
275	3110815011	Trần Thị Hằng	01/09/1997	Nữ	Ninh Bình	01ĐH15PHCN	6.97	Trung bình khá
276	3110815012	Trần Thúy Hằng	25/01/1997	Nữ	Nghệ An	01ĐH15PHCN	7.35	Khá
277	3110815013	Trần Trung Hiệp	17/07/1997	Nam	Hung Yên	01ĐH15PHCN	6.67	Trung bình khá
278	3110815015	Trần Thị Hoài	16/05/1997	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH15PHCN	7.15	Khá
279	3110815016	Nguyễn Thị Huệ	24/06/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15PHCN	7.26	Khá
280	3110815017	Phan Thị Hương	20/10/1997	Nữ	Nghệ An	01ĐH15PHCN	7.12	Khá
281	3110815018	Quách Thị Hương	19/10/1997	Nữ	Hung Yên	01ĐH15PHCN	7.32	Khá
282	3110815019	Hồ Hải Hưu	02/12/1997	Nam	Bắc Ninh	01ĐH15PHCN	7.08	Khá
283	3110815020	Nguyễn Hoàng Hương	07/05/1996	Nữ	Bắc Giang	01ĐH15PHCN	7.06	Khá
284	3110815021	Nguyễn Thị Bích Liên	08/05/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15PHCN	7.21	Khá
285	3110815022	Nguyễn Đàm Tú Linh	16/11/1997	Nữ	Yên Bái	01ĐH15PHCN	7.05	Khá
286	3110815024	Nguyễn Thị Mai	12/09/1996	Nữ	Hung Yên	01ĐH15PHCN	7.54	Khá
287	3110815025	Đồng Xuân Nam	06/08/1996	Nam	Hải Phòng	01ĐH15PHCN	7.24	Khá
288	3110815026	Đỗ Thị Năm	22/10/1997	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH15PHCN	7.13	Khá
289	3110815027	Trần Thị Ngân	05/04/1997	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH15PHCN	6.81	Trung bình khá
290	3110815028	Phạm Thị Ngọc	11/06/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15PHCN	7.89	Khá
291	3110815029	Đào Ý Nhi	29/10/1996	Nữ	Lạng Sơn	01ĐH15PHCN	7.67	Khá
292	3110815030	Nguyễn Thị Ninh	27/12/1996	Nữ	Hải Dương	01ĐH15PHCN	7.35	Khá
293	3110815031	Mạc Thị Kiều Oanh	09/08/1997	Nữ	Bắc Giang	01ĐH15PHCN	7.19	Khá
294	3110815032	Đoàn Thị Phương	03/08/1996	Nữ	Nam Định	01ĐH15PHCN	7.39	Khá
295	3110815033	Đỗ Mai Phương	11/08/1997	Nữ	Thái Bình	01ĐH15PHCN	7.32	Khá
296	3110815034	Nguyễn Bích Phương	08/02/1997	Nữ	Bắc Giang	01ĐH15PHCN	7.43	Khá
297	3110815036	Nguyễn Thị Quỳnh	23/01/1997	Nữ	Bắc Giang	01ĐH15PHCN	7.31	Khá
298	3110815038	Trần Thị Sim	11/07/1997	Nữ	Nam Định	01ĐH15PHCN	7.38	Khá
299	3110815039	Nguyễn Thị Thảo	08/09/1996	Nữ	Thanh Hóa	01ĐH15PHCN	7.35	Khá
300	3110815040	Nguyễn Thị Thúy	06/08/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15PHCN	7.55	Khá
301	3110815042	Ma Thị Thương	01/06/1996	Nữ	Thái Nguyên	01ĐH15PHCN	7.24	Khá
302	3110815044	Nguyễn Thị Minh Tuyền	17/01/1997	Nữ	Hung Yên	01ĐH15PHCN	7.73	Khá
303	3110815046	Nguyễn Thị Huyền Trang	18/08/1996	Nữ	Hải Dương	01ĐH15PHCN	7.14	Khá
304	3110815047	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	14/01/1996	Nữ	Phú Thọ	01ĐH15PHCN	7.50	Khá
305	3110815048	Trần Minh Trang	11/12/1997	Nữ	Quảng Ninh	01ĐH15PHCN	7.01	Khá
306	3110815049	Vũ Thị Thu Trang	01/06/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15PHCN	7.06	Khá

Được

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 6/2019)

(Ban hành kèm theo Quyết định số **13** /QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 21 tháng 6 năm 2019)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	TBC HT	Xếp loại TN
307	3110215063	Phạm Thị Thủy Tiên	29/05/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15XN	7.40	Khá
308	3110515001	Đặng Thị Vân Anh	21/08/1997	Nữ	Vĩnh Phúc	01ĐH15XN	8.16	Giỏi
309	3110515002	Đồng Thị Lan Anh	24/10/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15XN	7.23	Khá
310	3110515003	Phan Thị Vân Anh	25/08/1997	Nữ	Lạng Sơn	01ĐH15XN	6.94	Trung bình khá
311	3110515004	La Thị Kim Anh	13/10/1996	Nữ	Lạng Sơn	01ĐH15XN	7.42	Khá
312	3110515006	Nguyễn Thị Chi	01/06/1997	Nữ	Hà Nội	01ĐH15XN	7.75	Khá
313	3110515007	Đinh Thị Kim Dung	09/06/1997	Nữ	Nam Định	01ĐH15XN	8.10	Giỏi
314	3110515008	Nguyễn Thị Dung	02/08/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15XN	7.48	Khá
315	3110515009	Nguyễn Thùy Dung	09/01/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15XN	7.74	Khá
316	3110515010	Trần Thị Duyên	01/11/1996	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH15XN	7.09	Khá
317	3110515011	Phạm Thị Ánh Dương	06/05/1997	Nữ	Ninh Bình	01ĐH15XN	7.13	Khá
318	3110515013	Đoàn Văn Đức	07/05/1996	Nam	Ninh Bình	01ĐH15XN	7.44	Khá
319	3110515014	Lê Thị Giang	20/03/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15XN	7.51	Khá
320	3110515015	Phạm Thị Giang	24/04/1997	Nữ	Nam Định	01ĐH15XN	7.30	Khá
321	3110515016	Đặng Thị Thu Hà	11/11/1997	Nữ	Vĩnh Phúc	01ĐH15XN	7.39	Khá
322	3110515017	Đoàn Thị Hồng Hà	17/08/1997	Nữ	Nam Định	01ĐH15XN	7.50	Khá
323	3110515018	Nguyễn Thị Thu Hà	22/01/1996	Nữ	Hà Nội	01ĐH15XN	7.17	Khá
324	3110515019	Đỗ Thị Hồng Hạnh	15/09/1997	Nữ	Hà Nội	01ĐH15XN	7.50	Khá
325	3110515020	Hoàng Thị Hải	20/04/1995	Nữ	Vĩnh Phúc	01ĐH15XN	7.14	Khá
326	3110515022	Nguyễn Thị Hằng	05/03/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15XN	7.46	Khá
327	3110515023	Nguyễn Thị Thu Hằng	13/01/1997	Nữ	Hà Nội	01ĐH15XN	7.81	Khá
328	3110515024	Nguyễn Thị Thúy Hằng	01/12/1997	Nữ	Vĩnh Phúc	01ĐH15XN	7.60	Khá
329	3110515025	Trần Thúy Hằng	30/07/1997	Nữ	Nam Định	01ĐH15XN	7.23	Khá
330	3110515028	Vũ Thị Hoa	04/01/1996	Nữ	Hà Nội	01ĐH15XN	7.26	Khá
331	3110515029	Trịnh Thị Hoài	04/03/1997	Nữ	Ninh Bình	01ĐH15XN	7.46	Khá
332	3110515030	Phạm Thị Diễm Hồng	22/01/1997	Nữ	Hà Nam	01ĐH15XN	8.10	Giỏi
333	3110515033	Nguyễn Thị Hường	29/03/1997	Nữ	Vĩnh Phúc	01ĐH15XN	7.70	Khá
334	3110515034	Mai Thị Thúy Hường	09/03/1997	Nữ	Hải Dương	01ĐH15XN	8.09	Giỏi
335	3110515038	Lê Thị Lan	24/10/1996	Nữ	Hải Dương	01ĐH15XN	7.32	Khá
336	3110515039	Dương Thị Lê	19/05/1996	Nữ	Hung Yên	01ĐH15XN	8.01	Giỏi
337	3110515040	Nguyễn Thị Ngọc Lê	17/09/1997	Nữ	Thanh Hóa	01ĐH15XN	7.41	Khá
338	3110515041	Nguyễn Thị Kim Liên	29/07/1997	Nữ	Hải Phòng	01ĐH15XN	7.52	Khá
339	3110515042	Hoàng Thị Mỹ Linh	15/03/1996	Nữ	Hòa Bình	01ĐH15XN	7.48	Khá
340	3110515043	Nguyễn Tống Khánh Linh	11/02/1997	Nữ	Hà Tĩnh	01ĐH15XN	7.26	Khá



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 6/2019)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 21 tháng 6 năm 2019)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	TBC HT	Xếp loại TN
341	3110515044	Nguyễn Thị Luyến	01/01/1996	Nữ	Hà Nội	01ĐH15XN	7.16	Khá
342	3110515045	Lương Thị Minh Lý	22/10/1995	Nữ	Lạng Sơn	01ĐH15XN	8.24	Giỏi
343	3110515046	Bùi Văn Mạnh	09/10/1997	Nam	Hung Yên	01ĐH15XN	7.10	Khá
344	3110515047	Bùi Thị Mai	06/05/1996	Nữ	Bắc Giang	01ĐH15XN	7.31	Khá
345	3110515048	Trần Thị Hồng Mơ	05/09/1996	Nữ	Bắc Giang	01ĐH15XN	7.74	Khá
346	3110515050	Lê Thị Thu Nga	27/03/1996	Nữ	Vĩnh Phúc	01ĐH15XN	7.49	Khá
347	3110515052	Nguyễn Thị Nghiệp	12/11/1997	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH15XN	8.27	Giỏi
348	3110515053	Nguyễn Như Ngọc	03/04/1997	Nữ	Quảng Ninh	01ĐH15XN	7.67	Khá
349	3110515054	Tòng Thị Nghiêm	28/10/1996	Nữ	Lai Châu	01ĐH15XN	6.95	Trung bình khá
350	3110515055	Nguyễn Chí Phái	03/09/1997	Nam	Nam Định	01ĐH15XN	7.11	Khá
351	3110515056	Đỗ Thị Phương	12/08/1997	Nữ	Nam Định	01ĐH15XN	7.65	Khá
352	3110515057	Trương Thị Quỳnh	25/12/1995	Nữ	Yên Bái	01ĐH15XN	7.23	Khá
353	3110515058	Trần Phương Thảo	25/11/1997	Nữ	Hòa Bình	01ĐH15XN	7.52	Khá
354	3110515059	Trương Thị Thuận	24/06/1997	Nữ	Ninh Bình	01ĐH15XN	7.45	Khá
355	3110515060	Phạm Thị Thủy	11/09/1997	Nữ	Bắc Ninh	01ĐH15XN	7.52	Khá
356	3110515061	Lê Thương Thương	01/07/1997	Nữ	Nam Định	01ĐH15XN	6.98	Trung bình khá
357	3110515062	Đinh Thị Thanh Tuyền	02/01/1996	Nữ	Thanh Hóa	01ĐH15XN	6.90	Trung bình khá
358	3110515063	Bùi Thị Xuyên	21/01/1997	Nữ	Nam Định	01ĐH15XN	7.44	Khá
359	3110515064	Đặng Thị Hồng Vân	18/11/1997	Nữ	Hà Nội	01ĐH15XN	8.18	Giỏi
360	3110515081	Nguyễn Thị Lan Anh	13/07/1997	Nữ	Hung Yên	02ĐH15XN	7.13	Khá
361	3110515082	Nguyễn Thị Minh Anh	04/10/1997	Nữ	Thái Bình	02ĐH15XN	7.60	Khá
362	3110515084	Phạm Ngọc Bích	09/05/1997	Nữ	Thái Bình	02ĐH15XN	7.23	Khá
363	3110515085	Chu Thị Bình	14/02/1997	Nữ	Bắc Giang	02ĐH15XN	7.87	Khá
364	3110515086	Nguyễn Thị Chi	23/05/1995	Nữ	Thái Bình	02ĐH15XN	6.99	Trung bình khá
365	3110515087	Phan Thị Yến Chi	09/04/1996	Nữ	Phú Thọ	02ĐH15XN	7.33	Khá
366	3110515088	Chu Thị Chơ	23/09/1997	Nữ	Hung Yên	02ĐH15XN	7.71	Khá
367	3110515089	Đỗ Sinh Cung	12/12/1997	Nam	Thái Bình	02ĐH15XN	7.37	Khá
368	3110515090	Nguyễn Thị Dịu	21/01/1996	Nữ	Thái Bình	02ĐH15XN	7.51	Khá
369	3110515091	Hoàng Thị Dung	25/11/1996	Nữ	Bắc Giang	02ĐH15XN	6.90	Trung bình khá
370	3110515092	Mai Thị Dung	16/02/1997	Nữ	Bắc Ninh	02ĐH15XN	6.94	Trung bình khá
371	3110515095	Hoàng Ngọc Hà	22/05/1997	Nữ	Thái Bình	02ĐH15XN	7.11	Khá
372	3110515096	Tạ Thị Hằng	20/12/1996	Nữ	Hung Yên	02ĐH15XN	7.62	Khá
373	3110515097	Vi Thị Hằng	14/04/1995	Nữ	Bắc Giang	02ĐH15XN	6.99	Trung bình khá
374	3110515098	Dương Thị Hiền	02/09/1997	Nữ	Hung Yên	02ĐH15XN	7.55	Khá



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 6/2019)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 43 /QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 21 tháng 6 năm 2019)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	TBC HT	Xếp loại TN
375	3110515099	Đoàn Thị Hiền	10/12/1997	Nữ	Sơn La	02ĐH15XN	7.86	Khá
376	3110515100	Nguyễn Thị Minh Huệ	11/10/1997	Nữ	Bắc Giang	02ĐH15XN	7.23	Khá
377	3110515101	Trần Thị Huệ	23/10/1997	Nữ	Thái Bình	02ĐH15XN	8.09	Giỏi
378	3110515103	Phàn Văn Ím	01/11/1997	Nam	Lào Cai	02ĐH15XN	7.25	Khá
379	3110515104	Nguyễn Thúy Kiều	07/11/1997	Nữ	Hung Yên	02ĐH15XN	7.10	Khá
380	3110515106	Hoàng Thị Linh	16/10/1997	Nữ	Hải Dương	02ĐH15XN	7.41	Khá
381	3110515107	Nguyễn Thị Thùy Linh	02/05/1997	Nữ	Hung Yên	02ĐH15XN	7.64	Khá
382	3110515108	Phạm Thị Thùy Linh	24/03/1997	Nữ	Hải Dương	02ĐH15XN	6.97	Trung bình khá
383	3110515109	Nguyễn Thị Mai	19/09/1996	Nữ	Hải Dương	02ĐH15XN	7.44	Khá
384	3110515110	Đoàn Thị My	07/08/1996	Nữ	Thái Bình	02ĐH15XN	7.36	Khá
385	3110515113	Lưu Thị Nga	12/12/1997	Nữ	Hải Dương	02ĐH15XN	7.66	Khá
386	3110515114	Đào Thị Ngân	28/06/1997	Nữ	Hung Yên	02ĐH15XN	7.60	Khá
387	3110515115	Nguyễn Thị Ngán	09/03/1997	Nữ	Hải Dương	02ĐH15XN	7.25	Khá
388	3110515116	Phạm Thị Bích Ngọc	28/05/1997	Nữ	Hải Phòng	02ĐH15XN	7.65	Khá
389	3110515117	Bùi Quỳnh Nguyên	17/01/1997	Nữ	Thái Bình	02ĐH15XN	7.30	Khá
390	3110515118	Hà Thị Thanh Nhân	05/04/1997	Nữ	Thái Bình	02ĐH15XN	7.95	Khá
391	3110515119	Nguyễn Thị Huyền Nhung	14/09/1997	Nữ	Bắc Giang	02ĐH15XN	7.98	Khá
392	3110515120	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	06/01/1997	Nữ	Hung Yên	02ĐH15XN	7.18	Khá
393	3110515121	Dương Thị Nụ	23/01/1997	Nữ	Bắc Giang	02ĐH15XN	7.73	Khá
394	3110515122	Đặng Thị Kiều Oanh	17/12/1997	Nữ	Hung Yên	02ĐH15XN	7.89	Khá
395	3110515123	Lương Thị Phương	07/05/1997	Nữ	Yên Bái	02ĐH15XN	7.94	Khá
396	3110515124	Lò Văn Phụng	10/06/1997	Nam	Điện Biên	02ĐH15XN	6.79	Trung bình khá
397	3110515126	Phạm Phương Quỳnh	21/01/1996	Nữ	Hải Dương	02ĐH15XN	7.27	Khá
398	3110515127	Lê Thị Thu Thảo	30/07/1997	Nữ	Điện Biên	02ĐH15XN	7.67	Khá
399	3110515129	Đỗ Thị Thoan	16/05/1997	Nữ	Hải Dương	02ĐH15XN	7.60	Khá
400	3110515130	Đỗ Thị Thơm	15/04/1996	Nữ	Hung Yên	02ĐH15XN	7.32	Khá
401	3110515131	Đào Thị Hoài Thu	08/05/1997	Nữ	Thái Bình	02ĐH15XN	7.95	Khá
402	3110515132	Mai Hà Thu	04/08/1997	Nữ	Thái Bình	02ĐH15XN	7.55	Khá
403	3110515133	Nguyễn Hoài Thương	05/06/1997	Nữ	Hà Nam	02ĐH15XN	7.55	Khá
404	3110515134	Lương Thị Toán	26/10/1996	Nữ	Hải Phòng	02ĐH15XN	7.59	Khá
405	3110515135	Đặng Thị Tuyền	11/04/1997	Nữ	Tuyên Quang	02ĐH15XN	7.92	Khá
406	3110515136	Nguyễn Thị Trang	23/08/1997	Nữ	Hải Dương	02ĐH15XN	7.75	Khá
407	3110515137	Phạm Quỳnh Trang	13/05/1996	Nữ	Tuyên Quang	02ĐH15XN	7.28	Khá
408	3110515139	Đào Thị Xiêm	24/11/1996	Nữ	Hải Dương	02ĐH15XN	7.60	Khá



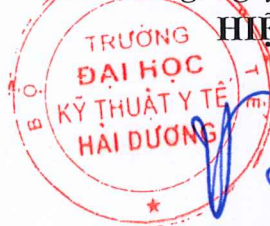
BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
(Đợt xét tháng 6/2019)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 21 tháng 6 năm 2019)

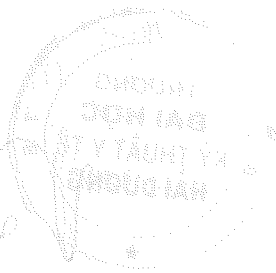
TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Lớp	TBC HT	Xếp loại TN
409	3110515140	Phạm Đình Văn	11/02/1997	Nam	Hải Dương	02ĐH15XN	7.06	Khá
410	3110515141	Hà Thị Vân	20/10/1997	Nữ	Hải Dương	02ĐH15XN	7.16	Khá
411	3110515143	Bùi Thị Yến	06/02/1997	Nữ	Thái Bình	02ĐH15XN	7.16	Khá
412	3110114004	Nguyễn Quý Duy	22/08/1996	Nam	Hải Dương	01ĐH14NHA	6.40	Trung bình khá
413	3110712076	Nguyễn Công Đoàn	06/02/1994	Nam	Thái Bình	01ĐH12KTHA	6.43	Trung bình khá
414	3110714001	Nguyễn Đình An	12/12/1996	Nam	Hải Dương	01ĐH14KTHA	6.69	Trung bình khá
415	3110714047	Nguyễn Duy Sơn	02/10/1996	Nam	Bắc Giang	01ĐH14KTHA	7.30	Khá
416	3110813036	Nguyễn Văn Thái	04/08/1995	Nam	TP Hà Nội	01ĐH13VLTL	6.72	Trung bình khá
417	3110514055	Hoàng Huy Toàn	06/05/1996	Nam	Lào Cai	01ĐH14XN	6.60	Trung bình khá
418	3110512084	Phạm Thị Hương	15/03/1993	Nữ	Nam Định	02DH12XN	6.25	Trung bình khá
419	3110514122	Vũ Minh Tuấn	17/12/1995	Nam	Bắc Giang	02ĐH14XN	6.30	Trung bình khá

Hải Dương, ngày 21 tháng 6 năm 2019



HIỆU TRƯỞNG

TS.Đinh Thị Diệu Hằng



THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH